

TRƯỜNG THPT HOÀNG DIỆU
TỔ VẬT LÝ

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN VẬT LÝ 10 - NĂM HỌC 2026–2027

I. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** kiểm tra giữa học kì 1.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (35% TN nhiều lựa chọn, 20% TN đúng sai, 15% TN trả lời ngắn, 30% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - + Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.*
 - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 14 câu = 3,5 điểm ;
 - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 câu = 8 ý = 2,0 điểm
 - *Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.*
 - *Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.*
 - *Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.*
 - *Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.*
 - + Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: 6 câu = 1,5 điểm.
 - + Phần IV. Tự luận: 2 câu = 6 ý = 3,0 điểm.
- **Nội dung:** từ Bài 1 Làm quen với Vật lý đến Bài 9 Chuyển động thẳng biến đổi đều

II. MA TRẬN

Bài	Nội dung	Mức độ đánh giá									Tổng			Điểm số
		Biết			Hiểu			Vận dụng						
		I	II	III,IV	I	II	III,IV	I	II	III,IV	I	II	III,IV	
1	Làm quen với vật lí học	1									1			
2	Các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm vật lí	1									1			
3	Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả đo.	1									1			
4	Độ dịch chuyển và quãng đường đi được.	3									3			
5	Tốc độ và vận tốc	3			1		2			3	4		5	
6	Thực hành: đo tốc độ của vật chuyển động	1	2			2					1	4		
7	Đồ thị độ dịch chuyển- thời gian	1	2			1			1	1	1	4	1	
8	Chuyển động thẳng biến đổi. Gia tốc	1								1	1		1	
9	Chuyển động thẳng biến đổi đều.				1		2			3	1		5	
	Tổng số điểm	4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm			10 điểm			

III. BẢNG ĐẶC TẢ

Bà i	Nội dung	Thành phần năng lực	Số câu hỏi/ý theo cấp độ tư duy											
		Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	PHẦN I (A,B,C,D)			PHẦN II (Đ,S)			PHẦN III (Trả lời ngắn)			PHẦN IV (Tự luận)		
			Biết t	Hiểu	Vận dụng	Biết t	Hiểu u	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Làm quen với vật lí học	- Nêu được đối tượng nghiên cứu, mục tiêu của môn Vật lí. - Nêu được các thành tựu nghiên cứu của vật lí tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp - Nêu được phương pháp nghiên cứu vật lí.	1											
2	Các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm vật lí	- Nêu được các quy tắc an toàn trong nghiên cứu, học tập môn Vật lí. - Nhận biết được một số nguy cơ và cách phòng tránh trong phòng thực hành.	1											
3	Thực hành tính sai số trong phép đo.	- Nêu được một số loại sai số đơn giản thường gặp, cách hạn chế sai số.	1			2	2							

	Ghi kết quả đo.	- Nêu được công thức giá trị trung bình, sai số tuyệt đối, sai số tỉ đối. - Tính được sai số và ghi kết quả đo đúng quy ước.												
4	Độ dịch chuyển và quãng đường đi được	- Định nghĩa được độ dịch chuyển. - Phân biệt, so sánh được quãng đường đi được và độ dịch chuyển. - Xác định được độ dịch chuyển và quãng đường đi được.	3											
5	Tốc độ và vận tốc	- Nêu được ý nghĩa và công thức của tốc độ trung bình, tốc độ tức thời. - Nêu được định nghĩa vận tốc và viết được công thức tính vận tốc. - Vận dụng được công thức tính tốc độ và vận tốc. - Xác định được độ dịch chuyển tổng hợp và vận tốc tổng hợp.	3	1						2		2 ý	1 ý	
6	Thực hành: đo tốc độ của vật chuyển động	- Thiết kế hoặc lựa chọn phương án và thực hiện đo tốc độ bằng dụng cụ thực hành. - Mô tả và đánh giá được ưu, nhược điểm của một số phương pháp đo.	1											

7	Đồ thị độ dịch chuyển- thời gian	- Mô tả được chuyển động từ đồ thị độ dịch chuyển - thời gian. - Vẽ được đồ thị độ dịch chuyển - thời gian từ số liệu cho trước hoặc kết quả thí nghiệm; - Tính được tốc độ từ độ dốc của đồ thị độ dịch chuyển - thời gian	1			2	1	1			1			
8	Chuyển động thẳng biến đổi. Gia tốc	- Nêu được ví dụ về chuyển động biến đổi (nhanch dần và chậm dần) - Nêu được định nghĩa gia tốc, viết được công thức và đơn vị của gia tốc. - Phân biệt được chuyển động nhanh dần và chậm dần dựa vào vận tốc và gia tốc. - Giải được các bài tập về gia tốc.	1								1			
9	Chuyển động thẳng biến đổi đều	- Rút ra được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều. - Vận dụng được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều. - Vận dụng đồ thị vận tốc – thời gian để tính được độ dịch chuyển và gia tốc trong một số trường hợp đơn giản.		1							2		2 ý	1 ý

